

Employers' Assessment on Training Quality and Work Response Level of Medical Graduates at Pham Ngoc Thach University of Medicine

Dang Thi Thuy Linh*, Tran Thi Khanh Tuong, Truong Cong Hoa, Phan Nguyen Thanh Van
Pham Ngoc Thach University of Medicine, Vietnam

* Corresponding author. Email: Linhdt.qltd@pnt.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 09/11/2022
Revised: 21/12/2022
Accepted: 16/01/2023
Published: 28/02/2023

KEYWORDS

Employer;
Training quality;
Work response;
Medical graduates;
Pham Ngoc Thach University of Medicine.

ABSTRACT

This study is to evaluate the training quality and work response level of medical graduates at Pham Ngoc Thach University of Medicine from the employer's perspective. Subjects of the study are medical graduates who have been working in health facilities. The assessment is done based on a set of criteria, including work response level, attitude towards the medical profession, medical knowledge and skills, foreign language skills, IT skills and employer's satisfaction. The survey results at 18 medical units (160 respondents) showed that: Up to 86.26% of the employer assessed as responding or more (mean=4.01, SD=0.63); Most of the respondents (91.88%) assessed that the level of completion of the assigned work was quite satisfactory or higher (mean=3.89, SD =0.88); and 85.63% of the respondents were satisfied and very satisfied (mean=4.00, SD =0.59). The mean scores are high when assessing attitudes towards the medical profession (mean=3.80-4.18, SD=0.58-0.71), medical knowledge and skills (average=3.68-4.06, SD=0.52-0.70), on foreign language and IT skills (average=4.03-4.10, SD=0.58-0.62). The research results show that the training quality of the University has met the requirements of employers as well as helping the University to have a basis for making plans to improve and enhance the quality further in the future.

Kết Quả Đánh Giá Của Đơn Vị Sử Dụng Lao Động Về Chất Lượng Đào Tạo Và Mức Độ Đáp Ứng Công Việc Của Sinh Viên Y Khoa Tốt Nghiệp Tại Trường Đại Học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch

Đặng Thị Thùy Linh*, Trần Thị Khánh Tường, Trương Công Hòa, Phan Nguyễn Thanh Vân
Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

* Tác giả liên hệ. Email: Linhdt.qltd@pnt.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 09/11/2022
Ngày hoàn thiện: 21/12/2022
Ngày chấp nhận đăng: 16/01/2023
Ngày đăng: 28/02/2023

TỪ KHÓA

Đơn vị sử dụng lao động;
Chất lượng đào tạo;
Đáp ứng công việc;
Sinh viên y khoa tốt nghiệp;

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng công việc của sinh viên y khoa tốt nghiệp tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch thông qua góc nhìn của người sử dụng lao động. Đối tượng nghiên cứu là sinh viên tốt nghiệp đang làm việc ở các đơn vị trong ngành y tế. Việc đánh giá được thực hiện dựa trên bộ tiêu chí bao gồm Mức độ đáp ứng công việc, Thái độ đối với nghề y, Kiến thức và kỹ năng chuyên môn y khoa, Kỹ năng ngoại ngữ, tin học và Mức độ hài lòng. Kết quả khảo sát tại 18 đơn vị y tế với 160 đáp viên đã cho thấy: Có đến 86,26% đánh giá là đáp ứng trở lên (TB=4,01, ĐLC=0,63); Hầu hết (91,88%) đánh giá rằng mức độ hoàn thành công việc được giao từ khá đáp ứng trở lên (TB=3,89, ĐLC=0,88); và 85,63% hài lòng và rất hài lòng (TB=4,00, ĐLC=0,59) với sinh viên tốt nghiệp. Điểm

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

trung bình đều cao khi đánh giá về thái độ đối với nghề y (TB=3,80-4,18, DLC=0,58-0,71), kiến thức và kỹ năng chuyên môn (TB=3,68-4,06, DLC=0,52-0,70), kỹ năng ngoại ngữ và tin học (TB=4,03-4,10, DLC=0,58-0,62). Kết quả nghiên cứu chứng tỏ chất lượng đào tạo của Trường đã đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động cũng như giúp Trường có cơ sở để ra kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa trong tương lai.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.75B.2023.1307>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Giới thiệu

Trong xu thế hội nhập quốc tế, chất lượng đào tạo của các trường đại học của Việt Nam hiện là một vấn đề lớn, được sự quan tâm đặc biệt của nhà trường, người học, xã hội và chính quyền các cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT quy định về “tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” [1]. Đây là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học để các trường đại học sử dụng tiêu chuẩn này đánh giá tổng thể hoạt động liên quan đến CTĐT. Qua đó, trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội như thực trạng chất lượng đào tạo của từng chương trình cụ thể. Ngoài ra, bộ tiêu chuẩn giúp kiểm định đánh giá công nhận hoặc không công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cũng như các tổ chức, cá nhân khác có cơ sở để nhận định, đánh giá và tham gia phản biện xã hội đối với CTĐT của trường đại học mà họ quan tâm. Trong tiêu chuẩn 11 của thông tư này, đã chỉ rõ kết quả của người học phải được đo lường bởi mức độ hài lòng của các bên liên quan (trong đó nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động là yếu tố cốt lõi). Mức độ hài lòng này phải được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Quyết định số 1854/QĐ-BYT của Bộ Y Tế về Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ đa khoa cũng như Quyết định Số 2261/QĐ-TĐHYKPNT của Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch về Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bác sĩ y khoa quy định cần đánh giá mức độ phù hợp của công việc với chuyên môn được đào tạo, đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp, đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao cũng như mức độ hài lòng đối với sinh viên Y khoa tốt nghiệp, thái độ nghề nghiệp, kiến thức, kỹ năng trong chuyên môn, kỹ năng ngoại ngữ, tin học [2], [10].

Thực tế các cơ sở y tế - đơn vị sử dụng lao động (ĐV) - luôn quan tâm đến y đức, năng lực, trình độ của sinh viên y khoa khi tốt nghiệp (SV). Điều này được thể hiện thông qua mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp đối với yêu cầu của công việc và sự hài lòng của người sử dụng lao động. Vì thế, nghiên cứu này nhằm đánh giá về mức độ đáp ứng công việc, về y đức, về kiến thức và kỹ năng chuyên môn, về kỹ năng ngoại ngữ và tin học, cũng như sự hài lòng của người sử dụng về SV tốt nghiệp từ Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (ĐHYKPNT) thông qua góc nhìn của người sử dụng lao động.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên các đơn vị y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) bằng bảng câu hỏi khảo sát. Phần tiếp theo của bài báo chúng tôi sẽ trình bày về phương pháp nghiên cứu, kết quả, bàn luận và kết luận.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Một số cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn

Tác giả Cheng và Tam (1997) định nghĩa chất lượng đào tạo là đặc trưng của một loạt yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra của hệ thống giáo dục đào tạo mà nó cung cấp các dịch vụ làm thỏa mãn nhu cầu người học và nhu cầu của xã hội về đào tạo [3]. Trong bài báo “Sử dụng đối sánh trong báo cáo tự

đánh giá chương trình giáo dục” đăng trên Tạp chí Quản lý Giáo dục đã chỉ ra rằng, chất lượng của CTĐT là kết quả tác động tích cực của tất cả các bên liên quan. Trong đó, đơn vị sử dụng lao động là yếu tố then chốt không thể thiếu [4].

Theo AUN-QA, việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng được thực hiện đầy đủ và có hệ thống là cách để giám sát, cải tiến chất lượng CTĐT. Đây cũng là khâu rất quan trọng [5].

Chất lượng đào tạo là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của chương trình đào tạo, của cơ sở giáo dục, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học; phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong từng lĩnh vực chuyên môn của mình để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn CTĐT: tiếp cận quản lý chất lượng đầu ra, một công cụ quản lý để nâng cao chất lượng đào tạo, yêu cầu việc xây dựng chuẩn đầu ra cho các CTĐT phải đảm bảo phù hợp với Khung trình độ nước Việt Nam cũng như chuẩn chương trình theo từng nhóm ngành, lĩnh vực. Các trường đại học bên cạnh phải minh bạch chuẩn đầu ra cho các bên liên quan mà còn phải cung cấp được minh chứng người tốt nghiệp đạt những chuẩn đầu ra mà cơ sở giáo dục đại học đã tuyên bố với người học và các bên liên quan cũng như toàn xã hội [6].

Tổng hợp từ các nội dung trên, bài viết này sử dụng thuật ngữ chất lượng đào tạo là sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, của người sử dụng lao động.

Một số công trình nghiên cứu liên quan đã được triển khai. Tác giả Nguyễn Hoàng Lan và cộng sự (2015) nghiên cứu đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo đại học tại 386 doanh nghiệp nhóm ngành kỹ thuật-công nghệ đã cho thấy chất lượng của nhóm kỹ năng kỹ thuật thấp hơn so với hai nhóm kỹ năng còn lại (nhóm kỹ năng nhận thức, nhóm kỹ năng xã hội và hành vi) [7]. Còn tác giả Sơn nghiên cứu đánh giá của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp của trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế; Khảo sát từ 205 đáp ứng cho thấy chất lượng đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế cơ bản đã được các đơn vị đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, qua xem xét cho thấy mức độ đáp ứng theo yêu cầu doanh nghiệp và xã hội chưa cao. Theo đánh giá của người sử dụng lao động, SV tốt nghiệp đại học chỉ mới có những kiến thức lý luận, chưa hội tụ đủ các yếu tố về năng lực thực tiễn cũng như các kỹ năng mềm phù hợp với đòi hỏi của công việc. Điều này đòi hỏi Nhà trường cần phát triển mối liên hệ mật thiết với các đơn vị sử dụng lao động, thiết kế lại chương trình đào tạo theo hướng lý luận gắn liền với thực tiễn để đạt được các chuẩn đầu ra theo yêu cầu của người sử dụng lao động và xã hội. Một nghiên cứu của tổ chức quốc tế là UNICEF tại Việt Nam (2020) về tình hình việc làm SV tốt nghiệp đã cho thấy có 72,4% SV có việc làm cho rằng công việc của họ phù hợp với nội dung được học (làm việc đúng ngành đào tạo).

Tuy nhiên, trong phạm vi tư liệu truy cập được, tác giả chưa tìm thấy công trình nghiên cứu về đánh giá từ góc nhìn của người sử dụng lao động về sinh viên y khoa tốt nghiệp, một ngành rất đặc thù liên quan đến tính mạng con người. Đó là một trong những nhân tố góp phần, thôi thúc tác giả triển khai nghiên cứu này.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để tiến hành khảo sát. Kết quả đã tiến hành khảo sát được 18 đơn vị y tế tại Tp.HCM với 160 đáp viên. Công cụ thu thập số liệu bằng Bảng câu hỏi khảo sát.

Nghiên cứu này đã sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý (tương ứng với 1 điểm), (2) Không đồng ý (tương ứng với 2 điểm), (3) Không ý kiến (tương ứng với 3 điểm), (4) Đồng

ý (tương ứng với 4 điểm, (5) Hoàn toàn đồng ý (tương ứng với 5 điểm). Điểm đánh giá là cao khi đạt trên mức 3 của thang điểm 5.

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê toán học bằng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích. Phân tích mô tả với các chỉ số thống kê như tần số quan sát (n), tỷ lệ (%), trị trung bình (TB), tối thiểu, tối đa và độ lệch chuẩn (ĐLC) để đánh giá mức độ đáp ứng và hài lòng.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu, tổng hợp tài liệu, thông tin liên quan đến việc đánh giá chất lượng đào tạo trong Y khoa thông qua phản hồi từ các đơn vị y tế để xây dựng cơ sở lý luận và Bảng câu hỏi khảo sát và đánh giá chất lượng đào tạo thông qua số liệu đã khảo sát.

2.3. Nội dung Bảng câu hỏi khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Y khoa của Trường ĐHYKPNT hiện hành, chuẩn năng lực bác sĩ do Bộ Y tế ban hành năm 2015 [1], [2], [10]. Từ đó nhóm tác giả đã thiết kế nội dung Bảng khảo sát để hỏi các đáp viên tại các cơ sở y tế về mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng, mức độ hoàn thành công việc.

Bảng câu hỏi khảo sát đã yêu cầu đáp viên đánh giá các nội dung sau:

- Mức độ phù hợp của công việc với chuyên môn được đào tạo;
- Khả năng đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp, mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp có 35 tiêu chí, trong đó: đáp ứng về thái độ nghề nghiệp (12 tiêu chí); đáp ứng về kiến thức, kỹ năng chuyên môn Y khoa (20 tiêu chí); đáp ứng về kỹ năng ngoại ngữ, tin học (03 tiêu chí đánh giá).
- Mức độ hoàn thành công việc được giao;
- Mức độ hài lòng đối với sinh viên Y khoa tốt nghiệp.
- Ngoài ra, Bảng câu hỏi khảo sát có hỏi các đáp viên về những kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình đào tạo cần bổ sung, cần nhấn mạnh, cần cải tiến. Những giải pháp nào để chương trình đào tạo tốt hơn, phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng hơn.

Hơn nữa, nhóm tác giả cũng đã tham khảo các kinh nghiệm quốc tế về đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực, mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp do các cơ quan quản lý, các hội hoặc hiệp hội nghề nghiệp đã tiến hành ở một số nước như Mỹ, ASEAN.

2.4. Quy trình soạn Bảng câu hỏi khảo sát

Dựa trên các nội dung của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Y khoa hiện hành, các cơ sở pháp lý liên quan. Nhóm nghiên cứu dự thảo thành Bảng câu hỏi khảo sát rồi gửi xin ý kiến góp ý bổ sung của các phòng ban, khoa, đơn vị thuộc Trường. Dựa trên các góp ý đó, nhóm nghiên cứu tổng hợp thành Bảng câu hỏi khảo sát. Tiến hành khảo sát nhóm nhỏ dưới 20 đáp viên, rút kinh nghiệm điều chỉnh Bảng câu hỏi khảo sát lần cuối cùng để đưa vào sử dụng.

Trong phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu đã thông tin rõ ràng về mục đích, yêu cầu và cách trả lời nghiên cứu, cũng như tính bảo mật của bảng hỏi. Thời gian thực khảo sát trong tháng 7/2022 và điền trực tuyến qua Google Form.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Mô tả mẫu khảo sát

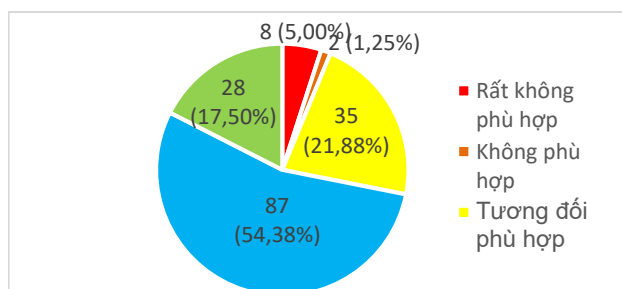
Bảng 1 cho thấy các ĐV sử dụng lao động hầu hết là loại hình tổ chức Nhà nước (98.13%), đa phần là tuyến trung ương (85.63%), phân bố rải rác ở các chuyên khoa và 85.00% ĐV có sử dụng trên 10 SV tốt nghiệp từ Trường ĐHYKPNT. Điều này, chứng tỏ rằng các SV tốt nghiệp đã có việc làm ở các cơ

sở y tế công lập lớn, những bệnh viện với quy mô trên 1000 giường và là những cơ sở y tế có những chuyên khoa uy tín hàng đầu cả nước.

Bảng 1. Phân bố mẫu khảo sát theo thông tin nền về các đơn vị được khảo sát

		n	%
Loại hình tổ chức	Nhà nước	157	98,13
	Tư nhân	3	1,88
Tuyến bệnh viện	Thành phố	137	85,63
	Trung ương	20	12,50
	Quận huyện	2	1,25
	Phòng khám	1	0,63
Lĩnh vực hoạt động	Đa khoa	61	38,13
	Chuyên khoa ngoại	39	24,38
	Chuyên khoa	35	21,88
	Sản phụ khoa - Nhi khoa	12	7,50
	Phục hồi chức năng	9	5,63
	Chuyên khoa Lao và bệnh phổi	2	1,25
	Chuyên khoa Tim mạch	1	0,63
	Chuyên khoa Chấn thương Chỉnh hình	1	0,63
Tổng số sinh viên sử dụng	Dưới 5 người	16	10,00
	Từ 5 đến 10 người	8	5,00
	Trên 10 người	136	85,00

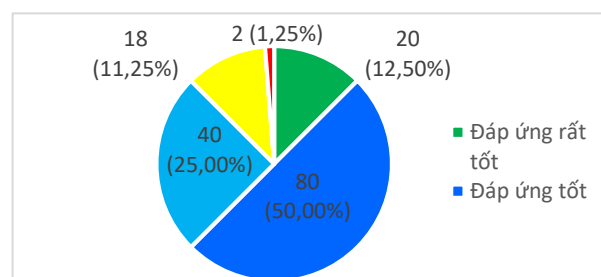
3.2. Đánh giá mức độ phù hợp của công việc với chuyên môn được đào tạo



Hình 1. Mức độ phù hợp của công việc với chuyên môn được đào tạo

Hình 1 cho thấy phần nhiều các ĐV sử dụng lao động (71,88%) cho rằng công việc mà các SV y khoa tốt nghiệp Trường ĐHYKPNT đang đảm nhận là phù hợp trở lên đối với chuyên môn được đào tạo, 21,88% là tương đối phù hợp và chỉ 6,25% là không phù hợp và rất không phù hợp.

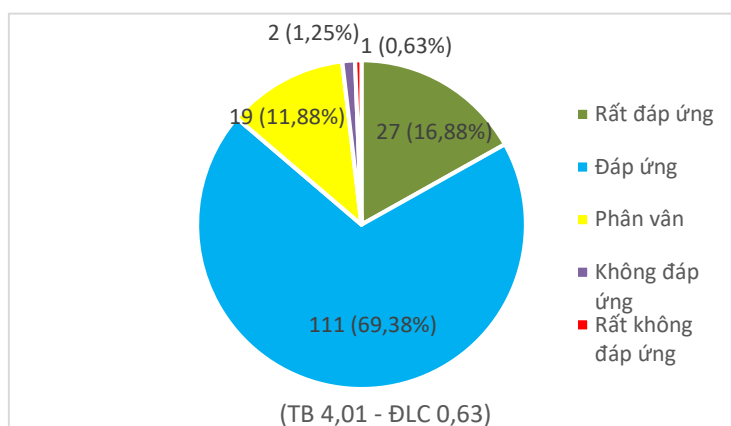
3.3. Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp



Hình 2. Khả năng đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp

Hình 2 cho thấy hầu hết các ĐV sử dụng lao động (87,50%) cho rằng SV y khoa tốt nghiệp Trường ĐHYKPNT có khả năng đáp ứng trở lên đối với yêu cầu của ĐV, 11,25% là đáp ứng vừa phải và chỉ 1,25% là đáp ứng thấp. Như vậy ta thấy có đến 98,75% ĐV sử dụng lao động đánh giá SV tốt nghiệp đã có khả năng đáp ứng công việc thực tế từ rất tốt đến vừa phải tại các bệnh viện. Điều này cho thấy ĐV sử dụng lao động có thể hoàn toàn tin tưởng sản phẩm tốt nghiệp từ trường ĐHYKPNT.

3.4. Đánh giá mức độ đáp ứng đối với sinh viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị



Hình 3 trên cho thấy có đến 86,26% các ĐV sử dụng lao động đánh giá các SV của Trường đang làm việc tại ĐV đáp ứng trở lên, 11,88% là phân vân và chỉ 1,88% là không đáp ứng trở xuống. Điểm trung bình mức độ đáp ứng là 4,01, ĐLC là 0,63.

Hình 3. Mức độ đáp ứng đối với sinh viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị

3.5. Khảo sát về thái độ đối với nghề Y

Bảng 2. Khảo sát về thái độ đối với nghề Y

Nội dung	n	TB	ĐLC	Tối thiểu	Tối đa
Thể hiện sự tôn trọng về điều kiện kinh tế, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa của mỗi vùng và của mỗi cá nhân.	160	4,05	0,58	1	5
Cam kết làm việc theo chuẩn quy định, theo quy tắc đạo đức và chịu trách nhiệm về các quyết định xử trí chuyên môn của mình.	160	4,09	0,59	1	5
Tiếp cận người bệnh và những vấn đề sức khỏe cộng đồng một cách khoa học, trung thực, trách nhiệm, tận tâm và bình đẳng.	160	4,09	0,66	1	5
Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.	160	3,8	0,71	1	5
Phát huy được vai trò và hình ảnh của người bác sĩ, giá trị nghề bác sĩ: tác phong chuyên nghiệp, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp, ứng xử tốt.	160	4,1	0,65	1	5
Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc ra quyết định và can thiệp chăm sóc sức khỏe người bệnh, cộng đồng.	160	4,06	0,66	1	5
Luôn đặt sự an toàn, quyền lợi của người bệnh làm trung tâm.	160	4,07	0,66	1	5
Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép, tuân thủ các quy định nghề nghiệp và phù hợp với điều kiện sức khỏe.	160	4,12	0,64	1	5
Có ý thức và thực hiện việc bảo mật trong Y khoa theo quy định.	160	4,08	0,63	1	5
Thực hiện được các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu y học.	160	4,13	0,62	1	5
Hành nghề theo quy định của pháp luật.	160	4,18	0,62	1	5
Học tập suốt đời cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp	160	4,10	0,67	1	5
Điểm trung bình chung:		4,07			

Bảng 2 cho thấy điểm trung bình khi đánh giá về thái độ đối với nghề Y khá cao (4,07 điểm), dao động từ 3,80 đến 4.18 (ĐLC từ 0,58 đến 0,71). Thái độ với nghề Y là một trong những năng lực cốt lõi mà Hiệp hội Y khoa thế giới đã khẳng định và Chuẩn năng lực bác sĩ của Việt Nam cũng đưa ra làm tiêu chuẩn bắt

buộc. SV được đánh giá cao về tiêu chí này, rõ ràng Trường ĐHYKPNT đã đào tạo cho các em đáp ứng được tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

3.6. Khảo sát về kiến thức và kỹ năng chuyên môn Y khoa

Bảng 3. Khảo sát về kiến thức và kỹ năng chuyên môn Y khoa

Nội dung	n	TB	ĐLC	Tối thiểu	Tối đa
Giải thích được cấu trúc, chức năng và mối tương tác giữa cấu trúc với chức năng trong điều kiện bình thường và bệnh lý.	160	3,95	0,52	1	5
Giải thích được nguyên tắc cơ bản, ứng dụng được các kiến thức y học cơ sở vào công tác thăm khám, chẩn đoán và điều trị dựa trên y học chứng cứ.	160	3,96	0,52	1	5
Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng trong thực hành chăm sóc y khoa.	160	3,95	0,56	1	5
Có khả năng khai thác bệnh sử chính xác và đầy đủ.	160	4,06	0,56	1	5
Có khả năng phát hiện các triệu chứng cơ năng, thăm khám thực thể và tâm thần cho người bệnh.	160	4,01	0,56	1	5
Có khả năng chỉ định phù hợp và phân tích kết quả thu được từ các phương pháp, quy trình thăm khám lâm sàng; cận lâm sàng, thăm dò chức năng.	160	4,01	0,54	1	5
Có khả năng thực hiện các kỹ thuật theo quy trình, thủ thuật lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.	160	4,04	0,58	1	5
Có khả năng chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.	160	4,05	0,62	1	5
Có khả năng lập kế hoạch điều trị, chăm sóc toàn diện người/nhóm bệnh.	160	3,93	0,65	1	5
Có khả năng điều trị được các bệnh thường gặp.	160	4,06	0,66	1	5
Có khả năng theo dõi thường xuyên, phát hiện, xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.	160	3,99	0,61	1	5
Có khả năng phát hiện và xử trí kịp thời các bệnh cấp cứu thường gặp.	160	4,01	0,59	1	5
Có khả năng phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh an toàn.	160	3,94	0,61	1	5
Có khả năng dự phòng.	160	3,88	0,62	1	5
Có khả năng quản lý từ vong.	160	3,75	0,70	1	5
Có khả năng khám thai và quản lý thai nghén. Chăm sóc bà mẹ và phát hiện yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ.	160	3,68	0,68	1	5
Có khả năng xác định chuyển dạ, tiên lượng được cuộc đẻ và đỡ đẻ thường.	160	3,71	0,67	1	5
Có khả năng cấp cứu ban đầu tai biến sản khoa và sơ sinh.	160	3,68	0,67	1	5
Có khả năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà.	160	3,98	0,61	1	5
Có khả năng giao tiếp và cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác.	160	4,06	0,57	1	5
Điểm trung bình chung:		3,94			

Bảng 3 cho thấy điểm trung bình khi đánh giá về kiến thức và kỹ năng chuyên môn Y khoa là cao (3,94 điểm), dao động từ 3,68 đến 4,06 (ĐLC từ 0,52 đến 0,70). Tất cả những tiêu chí về kiến và chuyên môn là những chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Y khoa tại Trường ĐHYKPNT. Tất cả

tiêu chí đều có điểm đánh giá trung chung khá cao, như vậy ĐV sử dụng lao động đánh giá khá cao về kiến thức và chuyên môn của SV. Tuy nhiên, với cuộc sống hiện đại, mô hình bệnh tật luôn thay đổi do đó nhà trường luôn cập nhật kiến thức và các công nghệ mới trong Y khoa để đào tạo cho SV.

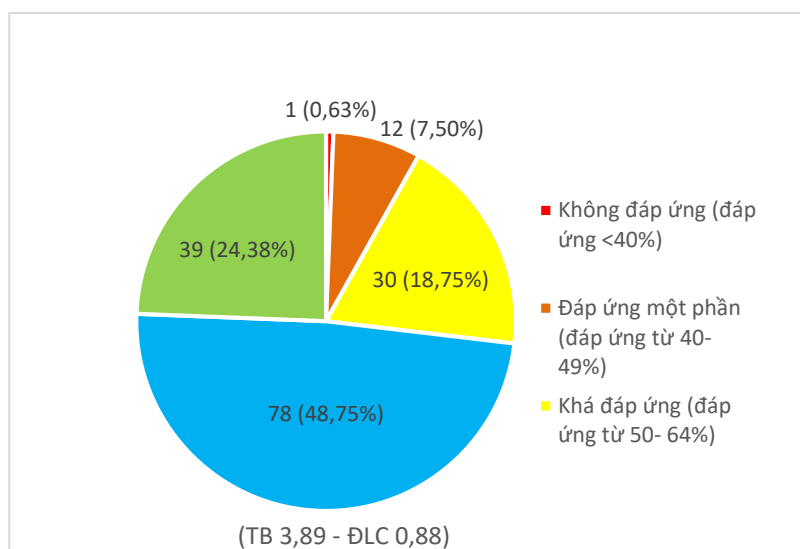
3.7. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học

Bảng 4. Khảo sát về kỹ năng ngoại ngữ và tin học

Nội dung	n	TB	ĐLC	Tối thiểu	Tối đa
Có khả năng sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh/Pháp.	160	4,03	0,61	1	5
Có khả năng khai thác được các nguồn tư liệu bằng tiếng Anh/Pháp.	160	4,03	0,62	1	5
Áp dụng được các kiến thức CNTT cơ bản để sử dụng máy tính, sử dụng Internet ở mức cơ bản.	160	4,10	0,58	1	5
Điểm trung bình chung:		4,05			

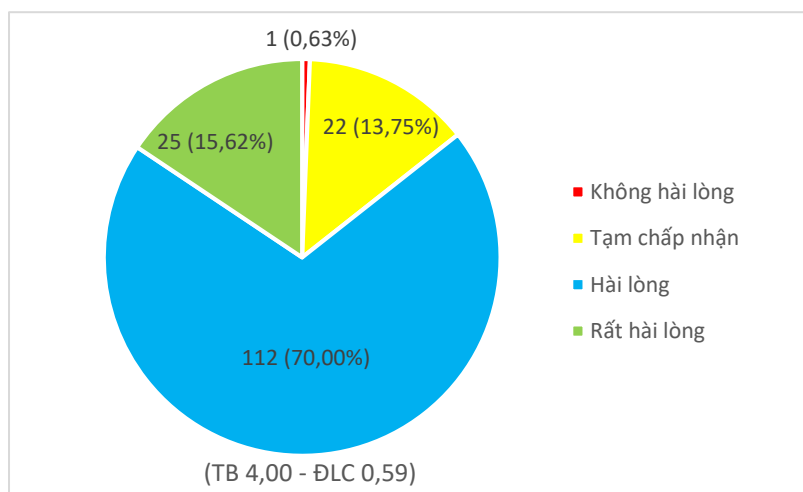
Bảng 4 cho thấy điểm trung bình khi đánh giá về kỹ năng ngoại ngữ và tin học khá cao (4,05 điểm), dao động từ 4,03 đến 4,10 (ĐLC từ 0,58 đến 0,62). Với mức điểm đánh giá về tin học và ngoại ngữ của ĐV sử dụng lao động không làm nhóm nghiên cứu của chúng tôi ngạc nhiên. Bởi lẽ, tất cả SV được đạu vào Y khoa của Trường đều là những SV có điểm trúng tuyển cao top đầu trong cả nước. Do vậy, kiến thức về ngoại ngữ và tin học các SV đều giỏi là điều chắc chắn. Hơn nữa, trong chính môi trường giảng dạy nhà trường luôn luôn tạo cho các SV phải trao dồi ngoại ngữ và tin học. Tuy nhiên, SV ra trường cần phải tự học nhiều hơn nữa trong chuyên môn. Do vậy, ngoại ngữ và tin học là công cụ hữu hiệu để học suốt đời.

3.8. Đánh giá về mức độ hoàn thành công việc được giao cũng như mức độ hài lòng đối với sinh viên Y khoa tốt nghiệp tại Trường ĐHYKPNT



Hình 4 cho thấy hầu hết các ĐV sử dụng lao động (91,87%) đánh giá rằng mức độ hoàn thành công việc được giao từ khá đáp ứng trở lên, chỉ 8,13% cho là đáp ứng một phần và không đáp ứng. Điểm trung bình mức độ hoàn thành nhiệm vụ chung là 3,89 (ĐLC là 0,88).

Hình 4. Đánh giá về mức độ hoàn thành công việc được giao của các SV Y khoa tốt nghiệp



Hình 5 cho thấy 85,62% các ĐV sử dụng lao động là hài lòng và rất hài lòng đối với SV y khoa tốt nghiệp, 13,75% tạm hài lòng và chỉ có 0,63% là không hài lòng. Điểm trung bình mức độ hài lòng chung là 4,00 (ĐLC là 0,59).

Hình 5. Đánh giá về mức độ hài lòng đối với SV Y khoa tốt nghiệp

3.9. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi [đánh giá về thái độ đối với nghề Y (TB = 3,80 – 4,18, ĐLC=0,58-0,71), về kiến thức và kỹ năng chuyên môn y khoa (TB=3,68-4,06, ĐLC=0,52-0,70), về kỹ năng ngoại ngữ và tin học (TB=4,03-4,10, ĐLC=0,58-0,62)] có vẻ khác so với kết quả từ tác giả Lan [chất lượng của nhóm kỹ năng kỹ thuật thấp hơn so với hai nhóm kỹ năng còn lại (nhóm kỹ năng nhận thức, nhóm kỹ năng xã hội và hành vi)] [7]. Sự khác biệt là do tiêu chí các nhóm nhân tố đánh giá là khác nhau.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn đánh giá từ nghiên cứu đánh giá của doanh nghiệp đối với sinh viên tốt nghiệp của trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế “mức độ đáp ứng theo yêu cầu doanh nghiệp và xã hội chưa cao. Theo tâm nhìn của người sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp đại học chỉ mới có những kiến thức lý luận, chưa hội tụ đủ các yếu tố về năng lực thực tiễn cũng như các kỹ năng mềm phù hợp với đòi hỏi của công việc” [8]. Kết quả đánh giá về kỹ năng ngoại ngữ và tin học của chúng tôi thậm chí còn cao hơn nhóm kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Có lẽ SV ở môi trường Tp.HCM, thành phố năng động nhất nước, có điều kiện môi trường thuận lợi hơn nhiều trong việc trau dồi ngoại ngữ và tin học.

UNICEF khảo sát cho thấy có 72,4% SV có việc làm cho rằng công việc của họ phù hợp với nội dung được học (làm việc đúng ngành đào tạo) [9]. Còn khảo sát chúng tôi thì 71,88% các ĐV sử dụng lao động cho rằng công việc mà các sinh viên y khoa tốt nghiệp Trường ĐHYKPNT đang đảm nhận là phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Điều đó cho thấy, dù khác nhau về đối tượng và địa bàn khảo sát nhưng lại tương đồng về kết quả.

Các kết quả cho thấy độ tin cậy khá cao khi ta so sánh giữa điểm số của thái độ y đức với kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, tin học (bảng 2,3,4). Rõ ràng, SV có kỹ năng chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ và tin học trong nghề nghiệp là những bác sĩ thành thạo, yêu nghề, cố gắng nỗ lực không ngừng để phục vụ sức khỏe cộng đồng, xứng đáng là người thầy thuốc của nhân dân, vì sức khỏe cộng đồng.

Đề tài đã có điểm mới về mặt khoa học đó là: Kết quả nghiên cứu đã cung cấp được dữ liệu khoa học minh chứng chất lượng đào tạo cũng như có giá trị thực tiễn trong việc đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng công việc của SV y khoa tốt nghiệp tại Trường ĐHYKPNT để làm cơ sở chính cho việc triển khai công tác đảm bảo chất lượng.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Có đến 86,26% các ĐV sử dụng lao động đánh giá các sinh viên của Trường ĐHYKPNT đang làm việc tại ĐV là đáp ứng trở lên (TB=4,01, ĐLC=0,63); Hầu hết các ĐV sử dụng lao động (91,87%) đánh giá rằng mức độ hoàn thành công việc được giao từ khá đáp ứng trở lên (TB = 3,89, ĐLC=0,88); và 85,63% các ĐV sử dụng lao động là hài lòng và rất hài lòng đối với SV y khoa tốt nghiệp (TB=4,00, ĐLC=0,59). Điểm trung bình đều cao (trên mức 3 của thang điểm 5) khi đánh giá về thái độ đối với nghề Y (TB = 3,80-4,18, ĐLC=0,58-0,71), về kiến thức và kỹ năng chuyên môn Y khoa (TB=3,68-4,06, ĐLC=0,52-0,70), về kỹ năng ngoại ngữ và tin học (TB=4,03-4,10, ĐLC=0,58-0,62). Điều đó chứng tỏ chất lượng đào tạo của sinh viên y khoa tốt nghiệp từ Trường ĐHYKPNT đã đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động, là các đơn vị y tế tại Tp.HCM.

Kết quả nghiên cứu này góp phần minh chứng trong kiểm định cơ sở giáo dục, kiểm định chương trình giáo dục, là cơ sở thực tiễn để giúp lãnh đạo Trường ĐHYKPNT biết thực trạng hiện tại về chất lượng đào tạo của trường cũng như mức độ đáp ứng so với nhu cầu của người sử dụng lao động. Từ đó, Trường sẽ có kế hoạch đề ra các biện pháp cải tiến, nâng tầm chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về chất lượng nguồn nhân lực của các đơn vị y tế.

Tuy nhiên, do điều kiện nguồn lực có hạn, phải chọn mẫu thuận tiện, nên mẫu khảo sát chưa đại diện cho toàn bộ các đơn vị sử dụng lao động. Trong tương lai, tác giả sẽ rút kinh nghiệm từ nghiên cứu này, cải tiến bộ câu hỏi và triển khai với mẫu khảo sát đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động từ nguồn sinh viên tốt nghiệp tại Trường ĐHYKPNT cũng như phân tích xu hướng thay đổi về chất lượng nguồn nhân lực qua các năm tốt nghiệp.

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý Đào tạo Đại học, Khoa Y, của Trường ĐHYKPNT đã tạo điều kiện triển khai và 18 đơn vị y tế tại Tp.HCM đã cung cấp thông tin hữu ích cho công trình nghiên cứu này được hoàn tất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ministry of Education and Training, "Circular No. 04/2016/TT-BGDĐT, dated March 14, 2016, on standards for assessing the quality of programs at all levels of higher education," 2016.
- [2] Ministry of Health, "Decision No. 1854/QĐ-BYT, dated May 18, 2015, on the issuance of the Basic Competency Standards for General Practitioners," 2015.
- [3] Y. C. Cheng and W. M. Tam, "Multi-Models of Quality in Education," *Assurance in Education*, No. 5, pp. 22-31, 1997.
- [4] D. T. T. Linh, "Using matching in self-assessment reports of educational programs," *Journal of Educational Management - Academy of Educational Management - Ministry of Education and Training*, no. 50, p. 18, 2013.
- [5] ASEAN University Network, "Guidance Document: Quality Assurance for Program Accreditation according to AUN-QA, version 4.0," *Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City National University Publishing House*, 2021.
- [6] Ministry of Education and Training, "Circular No. 17/2021/TT-BGDĐT, dated June 22, 2021, on standards for educational programs," 2021.
- [7] N. H. Lan and N. M. Hien, "Employers assessment of the quality of university education: A study of the engineering-technology field," *Journal of Science VNU-Hanoi: Educational Research*, vol. 31, no. 2, pp. 1-14, 2015.
- [8] T. V. Son, "Quality of training: Evaluation by businesses of graduates from the University of Economics - Hue University," *Journal of Science - Hue University*, vol. 118, no. 4, pp. 191-202, 2016.
- [9] Training and Labor Supply Support Center (TSC – UNICEF), "Employment Situation of University Graduates in Challenging Circumstances," February 16, 2020. [Online]. Available: <http://en.tsc.edu.vn/international-cooperation/international-projects/employment-situation-of-university-graduates-in-challenging-circumstances/>. [Accessed November 5, 2022].
- [10] Pham Ngoc Thach University of Medicine, "Decision No. 2261/QĐ-TĐHYKPNT, dated June 10, 2020, on the issuance of Outcome Standards for the medical doctor training program," 2020.



Đặng Thị Thùy Linh. She graduated with doctor of Educational Management in 2014. She was sent to many countries for short-term training in many countries in the region on scientific research in education, education quality accreditation, develop training programs and assess learners' capacity. From 2007 to 2021, She is Deputy Head of Education Quality Accreditation and Testing Department at Ho Chi Minh City Department of Education and Training and She has managed and implemented school-level education accreditation for more than 1,500 preschools, junior high schools, high schools, continuing education centers, intermediate schools and vocational colleges. Dr. Linh is a key member of the City's programs and projects such as the Program on Improving the Quality of Human Resources for Ho Chi Minh City. She has more than 30 scientific articles in the field of education and training, successfully guided nearly 20 doctoral students, masters of science in education and educational management. Currently, She is a visiting lecturer at many universities, a supervisor (PQM) overseeing the quality of international student quality surveys at the OECD, and is the Deputy Head of the Department of University Training Management from Pham Ngoc Thach University of Medicine.



Trần Thị Khánh Tường. She received the B.S. degree in general medicine from University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, in 1994 and the M.S. degree in general internal medicine from University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city in 2000. She received Doctor Specialist level II in general internal medicine in 2014 at Pham Ngoc Thach University of Medicine and Doctor Degree in Gastroenterology in 2016 at Hue University of Medicine and Pharmacy. She gained title Associate Professor in 2020.

From 2016 to 2018, she was Head of General Internal Medicine Department. From 2015 to 2021 she was Head of Department of Clinical practice management. From 2018 to 2021, she was Vice Dean of Faculty of Medicine. From 2021 until now, she was Dean of Faculty of Medicine at Pham Ngoc Thach University of Medicine.

Furthermore, She is Member of the Executive Board of Vietnam Association for the Study of Liver Diseases, Member of the Executive Board of Association of Gastroenterology of HCM city and Deputy Editor-in-Chief of Vietnam Journal of Hepatology. Her main scientific research areas were: 1. Assessing the value of non-invasive methods in diagnosis of liver fibrosis on patients with chronic liver diseases with liver biopsy considered as gold standard 2. NAFLD: Clinical and Biochemical and Histological Features, degree of hepatic steatosis and fibrosis 3. Assessing and comparing the efficacy of therapies for *H. pylori* eradication. Her Scientific research projects at university level: 03; 05 published books, 40 published research articles in Viet Nam and 15 on prestigious International Journal.



Trương Công Hòa. He received the Medical Doctor degree from University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, Vietnam, in 1995 and the Master degree in Preventive Medicine from the same university, in 2005. He is currently pursuing the Ph.D. degree in Education Management at USSH-VNUHCM, Vietnam.

From 2020 to date, he has been Vice-Chief of Biomedical Research Center of PNTU, Vietnam. His research interest includes biomedical topics, health and education management.

Mr. Hoa's award includes the 3rd Prize, HCMC Technical Innovation Contest, 2015-2016, Vietnam.



Phan Nguyen Thanh Van, She graduated with a Master of Medicine in 2005 and a Doctor of Hematology in 2014. Dr. Van has many years of experience in teaching at hospitals, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City and Pham Ngoc Thach University of Medicine. Experienced in leadership and management positions at Blood Transfusion and Hematology Hospital and currently holds the position of Vice Rector of Pham Ngoc Thach University of Medicine. During her work for 24 years (from 1998 to present), She has made many contributions to the cause of people's health care and medical human resource training. Regarding scientific research activities, she has more than 20 years of experience in conducting scientific research projects, especially scientific research projects at city and national level. She is the moderator and directly participates in scientific research projects of practical value, serving and making useful contributions to the development of the industry, serving the community. She has about 40 scientific research works that have been published in prestigious domestic and foreign scientific journals.